

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý
Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 768/TTr-STC ngày 27 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2024.

Nơi nhận: *Như*

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH và HĐND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh (đ/c Vĩ);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Giám đốc Trung tâm CB - TH;
- Trường Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, DT (QĐUB59) *Mu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *TC*



Huỳnh Chí Nguyễn

QUY CHẾ

Cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

(Kèm theo Quyết định số 41 /2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu (sau đây viết tắt là CSDL) về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị thuộc phạm vi triển khai gồm:

01. Sở Tài chính;
02. Sở Thông tin và Truyền thông;
03. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
04. Sở Tư pháp;
05. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
06. Sở Công Thương;
07. Sở Giao thông vận tải;
08. Sở Y tế;
09. Sở Giáo dục và Đào tạo;
10. Sở Khoa học và Công nghệ;
11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
12. Sở Tài nguyên và Môi trường;
13. Sở Xây dựng;
14. Sở Kế hoạch và Đầu tư;
15. Cục Thống kê tỉnh;
16. Cục Thuế tỉnh;

17. Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố;
18. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố;
19. Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố;
20. Các tổ chức cá nhân, sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện đăng ký, kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra Quy chế này còn áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ngoài các đối tượng nêu trên có hoạt động liên quan đến việc cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*: Là phần mềm được cài đặt, lưu trữ tập trung tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh để thực hiện quản lý thông tin về giá cả các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản theo yêu cầu quản lý của nhà nước và của Bộ Tài chính.

2. *Thông tin về giá cả các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản*: Là toàn bộ các thông tin về danh mục và mức giá của các loại hàng hóa, dịch vụ và tài sản do các đơn vị cung cấp, cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

3. *Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá*: Là cơ sở dữ liệu về giá do Bộ Tài chính xây dựng, quản lý và là đầu mối kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu về giá của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương, đồng thời, kết nối với cơ sở dữ liệu về giá của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá, nhằm cung cấp thông tin về giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều kiện vận hành CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

1. Địa chỉ truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu:

a) Địa chỉ truy cập dành cho các công chức của Sở Tài chính, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và các phòng ban cấp huyện quy định tại Điều 2 Quy chế này: <https://csdlgiastc.baclieu.gov.vn>.

b) Địa chỉ truy cập dành cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: <https://csdlgia.baclieu.gov.vn>.

2. Máy vi tính của người sử dụng các đơn vị thuộc Sở Tài chính và các Sở, Ban, Ngành có liên quan phải được kết nối với hạ tầng truyền thông của ngành hoặc phải được kết nối internet; Máy vi tính của người sử dụng tại các doanh nghiệp phải được kết nối internet.

3. Máy vi tính của người sử dụng phải được cài đặt một trong các trình duyệt web sau: Mozilla Firefox 30.0 trở lên, Internet Explorer 8.0 trở lên và Chrome/Chromium 33.0 trở lên.

4. Thông tin nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu sử dụng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 và gõ dấu tiếng Việt. Các văn bản dùng hệ phông chữ khác với Unicode, phải được chuyển đổi sang định dạng phông chữ Unicode TCVN 6909:2001 trước khi tải vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 5. Tài khoản sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

1. Tài khoản quản trị:

a) Sở Tài chính được cấp 01 tài khoản quản trị cho các bộ phận liên quan đến hỗ trợ quản trị mức cao, hỗ trợ quản trị người sử dụng và hỗ trợ quản trị.

2. Tài khoản sử dụng:

a) Sở Tài chính: Được cấp tài khoản sử dụng cho toàn bộ Lãnh đạo Sở Tài chính, 01 tài khoản cho Phòng Quản lý Ngân sách - Tin học và Thống kê và toàn bộ công chức của Phòng Quản lý Giá - Doanh nghiệp và Công sản.

b) Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng; Sở Tư pháp; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thống kê tỉnh; Cục Thuế tỉnh mỗi đơn vị được cấp 02 tài khoản gồm: 01 tài khoản dành cho Chuyên viên, 01 tài khoản dành cho Lãnh đạo.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Chi Cục thuế các huyện, thị xã, thành phố: Mỗi đơn vị được cấp 02 tài khoản, gồm: 01 tài khoản dành cho Chuyên viên, 01 tài khoản dành cho Lãnh đạo.

d) Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Sử dụng tài khoản được cấp sẵn theo công văn triển khai, đối với các đơn vị chưa có tài khoản thực hiện theo Quy trình cấp tài khoản theo khoản 3 Điều này.

3. Quy trình cấp tài khoản sử dụng:

Trong quá trình vận hành, đơn vị có nhu cầu cấp thêm tài khoản cần thực hiện theo các bước sau:

a) Đối với tài khoản dành cho công chức Sở Tài chính, các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh và Phòng, Ban cấp huyện tại địa chỉ truy cập vào CSDL về giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy chế này:

- Đơn vị có nhu cầu cấp tài khoản gửi yêu cầu cấp tài khoản sử dụng mới tới Sở Tài chính bằng văn bản;

- Công chức Quản trị hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu tại Sở Tài chính xem xét, tạo tài khoản và phân quyền sử dụng trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu theo đúng chức năng nhiệm vụ của đơn vị;

- Tài khoản mới được cấp được Sở Tài chính gửi đến đơn vị có yêu cầu;

- Đơn vị nhận tài khoản mới và đổi mật khẩu trong lần đầu tiên đăng nhập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

- Thời gian xử lý cấp tài khoản mới không quá 07 ngày làm việc tính theo ngày nhận công văn đến trên hệ thống quản lý văn bản của Sở Tài chính hoặc theo dấu xác nhận công văn đến và dấu xác nhận phong bì thư đi.

b) Đối với tài khoản dành cho doanh nghiệp

- Các doanh nghiệp có nhu cầu cấp tài khoản tự đăng ký tài khoản tại địa chỉ truy cập dành cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đăng ký;

- Công chức Quản trị hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu tại Sở Tài chính xem xét, kiểm tra thông tin và thực hiện kích hoạt tài khoản cho doanh nghiệp nếu thấy phù hợp và thông báo lại cho doanh nghiệp.

4. Tên tài khoản trong CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu được tạo theo nguyên tắc như sau:

a) Tài khoản người dùng là công chức Sở Tài chính: [Họ] [Tên đệm] [Tên công chức] [Số thứ tự (nếu có)]

Trong đó: Số thứ tự chỉ được thêm vào khi có từ 02 công chức có họ tên trùng nhau.

b) Tài khoản của người dùng là công chức các Sở, Ban, Ngành có liên quan và Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố:

[Mã hệ thống] - [Tên đơn vị] - [Mã vai trò] - [Số thứ tự (nếu có)]

Trong đó:

- Mã hệ thống: Mặc định là CSDLGIA;

- Mã đơn vị: Theo tên viết tắt quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quy chế này;

- Mã vai trò: CV: Chuyên viên; LD: Lãnh đạo;

- Số thứ tự (nếu có): Trong trường hợp có nhiều hơn một tài khoản có vai trò tương tự nhau tại một đơn vị sử dụng thì đặt số thứ tự là số nguyên tăng dần.

5. Đảm bảo an toàn đối với tài khoản sử dụng

a) Đối với tài khoản dùng chung cho một đơn vị, phải có cơ chế xác định các cá nhân có trách nhiệm quản lý tài khoản.

b) Trường hợp người dùng thay đổi vị trí công tác, chuyên công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu phải thông báo kịp thời cho Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ các quyền sử dụng của người dùng đó trong hệ thống.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Những thông tin cần cập nhật trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

1. Sở Tài chính

a) Giá hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

- Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

- Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

- Giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

- Giá nước sinh hoạt đô thị, giá nước dịch vụ.

b) Cập nhật biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy phép đăng ký kinh doanh:

- Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: Xăng động cơ (*không bao gồm xăng máy bay*), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;

- Điện bán lẻ; Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

- Phân đạm urê; phân NPK;

- Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: Thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;

- Muối ăn; Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện; Thóc, gạo tẻ thường.

c) Cập nhật biểu mẫu kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh:

- Xi măng, thép xây dựng;

- Than;

- Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

- Sách giáo khoa;

- Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);

- Dịch vụ sử dụng bến bãi, mặt nước.

d) Lập và tổng hợp báo cáo Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh và gửi báo cáo giá thị trường lên CSDL Quốc gia về giá theo quy định của Bộ Tài chính.

đ) Hệ số điều chỉnh giá đất.

e) Danh mục nghiệp vụ.

g) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

h) Hoạt động thẩm định giá:

- Giá trị tài sản thẩm định giá do Hội đồng thẩm định giá tỉnh thẩm định;
- Danh sách Hội đồng thẩm định giá;
- Giá trị tài sản trong hoạt động tố tụng hình sự do Hội đồng tỉnh định giá.

i) Gửi dữ liệu lên CSDL quốc gia về giá:

- Giá thị trường;
- Giá tính thuế tài nguyên;
- Trao đổi dữ liệu kê khai giá với CSDL quốc gia về giá;
- Trao đổi dữ liệu đăng ký giá với CSDL quốc gia về giá.

k) Công khai dữ liệu:

- Công khai giá hàng hóa dịch vụ do nhà nước định giá;
- Công khai giá hàng hóa dịch vụ thuộc diện đăng ký giá, kê khai giá;
- Công khai giá thị trường hàng hóa dịch vụ.

l) Các thông tin khác:

- Cập nhật văn bản quản lý nhà nước về giá;
- Cập nhật các thông tin tình hình thanh tra, kiểm tra, tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá;

2. Sở Công Thương

a) Giá hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

- Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ hạng 1 và hạng 2 được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ hạng 1 và hạng 2 được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

b) Giá đăng ký đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

c) Giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh thực phẩm chức năng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

3. Sở Giao thông vận tải

Giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

a) Giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đường bộ do tỉnh quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh.

c) Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do tỉnh quản lý.

d) Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

đ) Khung giá đối với dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do tỉnh quản lý.

e) Khung giá (nếu có) đối với dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do tỉnh quản lý.

g) Khung giá (nếu có) đối với dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do tỉnh quản lý.

h) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

i) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa thực hiện theo phương thức Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách địa phương.

k) Giá tối đa đối với dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Y tế

a) Giá hàng hóa dịch vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Giá dịch vụ khám chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Giá đăng ký đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp giấy phép đăng ký kinh doanh Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

c) Giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh;

b) Giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh: Dịch vụ dự thi, dự tuyển.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Giá hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

- Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do tỉnh quản lý;
- Giá nước sinh hoạt nông thôn;
- Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

b) Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (*nuôi trồng thủy sản*) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh.

c) Đơn giá giống, vật tư nông nghiệp, thủy sản chuyên ngành phục vụ công tác lập dự toán các chương trình, dự án sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh Dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng động vật, thực vật, bao gồm: Dịch vụ kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và sản phẩm thực vật; dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng thức ăn chăn nuôi và dịch vụ kiểm nghiệm vệ sinh thú y.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Giá hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

- Khung Giá đất do Chính phủ ban hành;
- Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;
- Giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các tổ chức mà khu đất hoặc thửa đất có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) từ 20 tỷ đồng trở lên.

c) Giá đất giao dịch thông qua các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

d) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất của tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương.

8. Sở Xây dựng

a) Giá hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh định giá:

- Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

- Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

- Giá nhà cửa, vật kiến trúc tính bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

b) Giá vật tư vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo công bố hàng tháng.

9. Sở Tư pháp

Giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ giám định tư pháp do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

Giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh Dịch vụ kiểm định phương tiện đo lường.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Giá kê khai đối với Dịch vụ khai thác và sử dụng tài liệu do Nhà nước quản lý, bao gồm dịch vụ khai thác tư liệu tại các bảo tàng, khu di tích lịch sử, văn hóa; Dịch vụ giám định di vật, cổ vật, bảo vật, bảo vật quốc gia.

12. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Giá kê khai đối với dịch vụ của doanh nghiệp do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh dịch vụ giới thiệu việc làm.

13. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Giá kê khai đối với hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cấp tỉnh cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh Dịch vụ thẩm định kết quả đấu thầu.

14. Cục Thống kê

Thông tin về chỉ số giá tiêu dùng của các giá hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

15. Cục Thuế tỉnh

Giá giao dịch bất động sản của tổ chức trên địa bàn.

16. Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố

a) Giá trị tài sản trong Hội đồng tố tụng hình sự do cấp huyện định giá.

b) Giá trị tài sản thẩm định giá do Hội đồng thẩm định giá cấp huyện thẩm định.

c) Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường theo quy định của Bộ Tài chính.

d) Giá đăng ký của hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh do cấp huyện cấp giấy phép đăng ký kinh doanh quy định tại Điều 3 Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc Ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

đ) Giá kê khai của hàng hóa, dịch vụ của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh do cấp huyện cấp giấy phép đăng ký kinh doanh quy định từ khoản 2 đến khoản 21 Điều 17 Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND.

17. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố

a) Giá đất cụ thể bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại địa phương.

b) Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương.

c) Giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân mà khu đất hoặc thửa đất có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) từ 20 tỷ đồng trở lên.

18. Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố

Giá giao dịch bất động sản của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

19. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Doanh nghiệp đăng ký, kê khai giá trên địa bàn tỉnh:

a) Hồ sơ đăng ký giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá phải thực hiện đăng ký giá trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

b) Hồ sơ kê khai của các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá.

Điều 7. Tần suất, hình thức cập nhật dữ liệu và trách nhiệm kiểm duyệt

1. Tần suất cập nhật dữ liệu:

a) Cập nhật khi có hồ sơ đăng ký, kê khai mới của đơn vị đối với: Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá; kê khai giá.

b) Cập nhật khi có văn bản định giá mới ban hành đối với: Giá hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá.

c) Cập nhật định kỳ 01 lần/tháng vào ngày cuối hàng tháng (*nếu ngày báo cáo trùng vào các ngày lễ, ngày nghỉ, thực hiện báo cáo vào ngày làm việc trước liền kề*) đối với: Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ; Chỉ số giá tiêu dùng trên địa bàn; Giá vật tư vật liệu xây dựng trên địa bàn; Đơn giá giống, vật tư nông nghiệp, thủy sản chuyên ngành phục vụ công tác lập dự toán các chương trình, dự án sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; Giá giao dịch bất động sản của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

d) Cập nhật khi có phát sinh đối với: Hệ số điều chỉnh giá đất; Giá giao dịch bất động sản của tổ chức trên địa bàn; Hoạt động thẩm định giá; Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (*nuôi trồng thủy sản*) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh; Giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các tổ chức mà khu đất hoặc thửa đất có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) từ 20 tỷ

đồng trở lên; Giá đất giao dịch thông qua các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất của tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương; Giá trị tài sản trong Hội đồng tổ tụng hình sự do cấp huyện định giá; Giá trị tài sản trong Hội đồng tổ tụng hình sự do cấp huyện thẩm định; Giá đất cụ thể bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại địa phương; Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương; Giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân mà khu đất hoặc thửa đất có giá trị (*tính theo giá đất trong bảng giá đất*) từ 20 tỷ đồng trở lên.

đ) Cập nhật khi phát sinh yêu cầu đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa dịch vụ đối với: Hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá của doanh nghiệp đăng ký, kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

e) Cập nhật ngay khi có yêu cầu phát sinh thêm hoặc điều chỉnh giá trị danh mục từ các bộ phận nghiệp vụ đối với: Danh mục nghiệp vụ.

g) Cập nhật ngay khi có văn bản pháp luật mới ban hành đối với: Văn bản quản lý nhà nước về giá.

h) Cập nhật ngay khi có thông tin mới đối với: Cập nhật các thông tin tình hình thanh tra, kiểm tra, tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá và thẩm định giá; Cập nhật Các thông tin, chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới.

2. Hình thức cập nhật dữ liệu:

Qua tệp excel được kết xuất từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hoặc nhập trực tiếp trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

3. Trách nhiệm kiểm duyệt

Thông tin về giá, sau khi được công chức nghiệp vụ cập nhật vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu cần được rà soát, đánh giá, phê duyệt của lãnh đạo cấp trên bằng tài khoản lãnh đạo đã được cung cấp và phân quyền.

Điều 8. Công khai dữ liệu

1. Sở Tài chính thiết lập các dữ liệu tự động công khai giá hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá.

2. Đối với dữ liệu công khai thủ công: Sở Tài chính thực hiện rà soát và công khai một tháng một lần.

Điều 9. Khai thác thông tin, số liệu thông qua CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

1. Sở Tài chính là đầu mối chủ trì quản lý, khai thác và sử dụng thông tin trong CSDL về giá nhằm cung cấp thông tin về giá phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước và theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan tham gia cập nhật thông tin trên CSDL về giá quy định tại Điều 6 Quy chế này; các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp, cập nhật thông tin

về giá được phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu về giá thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác dữ liệu về giá ngoài phạm vi quản lý phải được Sở Tài chính cho phép.

3. Việc phân quyền, cho phép khai thác thông tin dữ liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu do Sở Tài chính quy định.

4. Thông tin, số liệu trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu được khai thác, sử dụng phục vụ điều hành, thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo về giá của tài sản, hàng hóa, dịch vụ và các thông tin khác liên quan.

5. Nghiêm cấm việc sử dụng số liệu từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu vào mục đích cá nhân mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trừ các dữ liệu đã được công khai trên hệ thống.

Điều 10. Thực hiện quản trị danh mục hệ thống

Sở Tài chính thực hiện quản lý vai trò của người dùng, phân quyền phạm vi dữ liệu và các cấu hình khác để vận hành hệ thống.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cá nhân tại các đơn vị triển khai CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

1. Sở Tài chính

a) Định kỳ tháng, quý thực hiện kiểm tra dữ liệu trong hệ thống, đôn đốc các đơn vị thực hiện cập nhật thông tin đầy đủ chính xác và đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

b) Tiếp nhận yêu cầu từ các đơn vị, thực hiện hỗ trợ người sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu về kỹ thuật công nghệ thông tin, hỗ trợ người sử dụng về nghiệp vụ, định kỳ rà soát các tài khoản truy cập CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

c) Quản lý tài khoản sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

d) Thực hiện phân quyền cho người dùng tại thời điểm triển khai theo đúng Danh sách phân quyền khai thác chức năng và phân quyền khai thác phạm vi dữ liệu theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này, và dựa vào tình hình thực tế để cập nhật phù hợp với quy định và yêu cầu triển khai thực tế.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, hỗ trợ về kỹ thuật công nghệ khi có yêu cầu, đảm bảo phần mềm vận hành thông suốt.

c) Bảo đảm an toàn cho hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

d) Quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu vận hành thông suốt.

đ) Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho việc đồng bộ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu với Hệ thống CSDL quốc gia về giá.

e) Sao lưu dữ liệu được tạo ra từ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu với tần suất 01 tháng 01 lần vào ngày cuối tháng, đảm bảo khả năng khôi phục lại dữ liệu khi xảy ra sự cố.

3. Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các phòng, ban cấp huyện quy định tại Điều 6 Quy chế này chịu trách nhiệm:

a) Cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

b) Thông báo sự cố, vấn đề cần hỗ trợ trong quá trình ứng dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu để được hỗ trợ.

c) Khai thác thông tin, báo cáo theo phân quyền trên hệ thống.

d) Quản lý đảm bảo an ninh, an toàn đối với tài khoản truy cập vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu đã được cấp.

đ) Thông báo bằng văn bản tới Sở Tài chính những trường hợp bổ sung, điều chỉnh tài khoản và quyền truy cập, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quy chế này.

2. Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan trong việc cung cấp, quản lý dữ liệu về giá để dữ liệu được khai thác, sử dụng hiệu quả.

3. Việc quản lý, vận hành, khai thác CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu phải tuân thủ các quy định về an toàn thông tin hiện hành của pháp luật.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Phụ lục 01
QUY ƯỚC ĐẶT MÃ ĐƠN VỊ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2023/QĐ-UBND ngày 25 / 12 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

I. Danh sách tên viết tắt các Sở, Ban, Ngành

STT	Đơn vị	Viết tắt
1	Sở Tài chính	STC
2	Sở Công Thương	SO_CT
3	Sở Giao thông vận tải	SO_GTVT
4	Sở Y tế	SO_YT
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	SO_GDDT
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	SO_NNPTNT
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	SO_TNMT
8	Sở Thông tin và Truyền thông	SO_TTTT
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	SO_VHTTDL
10	Sở Tư pháp	SO_TP
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	SO_LDTBXH
12	Sở Xây dựng	SO_XD
13	Sở Khoa học và Công nghệ	SO_KHCN
14	Cục Thống kê tỉnh	CUC_THONGKE
15	Cục Thuế tỉnh	CUC_THUE

II. Danh sách tên viết tắt các Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố

STT	Đơn vị	Viết tắt
1	Thành phố Bạc Liêu	TP_BACLIEU
2	Thị xã Giá Rai	TX_GIARAI
3	Huyện Hòa Bình	H_HOABINH
4	Huyện Vĩnh Lợi	H_VINHLOI
5	Huyện Phước Long	H_PHUOCLONG
6	Huyện Hồng Dân	H_HONGDAN
7	Huyện Đông Hải	H_DONGHAI

III. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố

STT	Đơn vị	Viết tắt
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bạc Liêu	PHONG TNMT_TP_BACLIEU
2	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Giá Rai	PHONG TNMT_TX_GIARAI
3	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hòa Bình	PHONG TNMT_H_HOABINH
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Lợi	PHONG TNMT_H_VINHLOI
5	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phước Long	PHONG TNMT_H_PHUOCLONG
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hồng Dân	PHONG TNMT_H_HONGDAN
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đông Hải	PHONG TNMT_H_DONGHAI

IV. Chi cục Thuế các khu vực

STT	Đơn vị	Viết tắt
1	Chi cục Thuế Khu vực thành phố Bạc Liêu	CHICUCTHUEKV_TP_BACLIEU
2	Chi cục Thuế Khu vực Giá Rai - Đông Hải	CHICUCTHUEKV_GIARAI_DONG HAI
3	Chi cục Thuế Khu vực Hòa Bình - Vĩnh Lợi	CHICUCTHUEKV_HOABINH_VINHLOI
4	Chi cục Thuế Khu vực Phước Long - Hồng Dân	CHICUCTHUEKV_PHUOCLONG_HONGDAN

Phụ lục 02**PHÂN QUYỀN SỬ DỤNG CHỨC NĂNG VÀ PHẠM VI DỮ LIỆU
TRONG HỆ THỐNG CSDL VỀ GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2023/QĐ-UBND ngày 25 /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh được khai thác toàn bộ dữ liệu trong hệ thống.

2. Sở Tài chính:

2.1 Lãnh đạo Sở Tài chính được khai thác toàn bộ dữ liệu trong hệ thống.

2.2 Phòng Quản lý Giá - Doanh nghiệp và Công sản.

a) Lãnh đạo Phòng Quản lý Giá - Doanh nghiệp và Công sản được duyệt và khai thác toàn bộ dữ liệu trong hệ thống.

b) Chuyên viên Phòng Quản lý Giá - Doanh nghiệp và Công sản được nhập và khai thác toàn bộ dữ liệu trong hệ thống.

c) Ngoài dữ liệu do Sở Tài chính thu thập thì được khai thác những dữ liệu sau: Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên toàn quốc; khung giá tính thuế tài nguyên do Tổng cục thuế quy định, giá tính thuế tài nguyên của 20 tỉnh trong phạm vi triển khai CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, chỉ số giá tiêu dùng; một số báo cáo về hoạt động thẩm định giá (*Danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, danh sách thẩm định viên hành nghề*); các dữ liệu công khai trên CSDL Quốc gia về giá.

3. Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; các Phòng, Ban cấp huyện quy định tại Điều 6 Quy chế này.

a) Lãnh đạo đơn vị được thao tác phê duyệt, từ chối duyệt các chức năng thu thập giá hàng hóa dịch vụ được quy định tại Điều 6 Quy chế này; được khai thác giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, chỉ số giá tiêu dùng, các dữ liệu công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

b) Chuyên viên đơn vị được thao tác thêm, sửa, xóa các chức năng thu thập giá hàng hóa dịch vụ được quy định tại Điều 6 Quy chế này; được khai thác giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, chỉ số giá tiêu dùng, các dữ liệu công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

4. Các quyền quản trị:

a) Quản trị hỗ trợ người sử dụng: Sở Tài chính (*Phòng Quản lý Giá - Doanh nghiệp và Công sản*) nhằm hỗ trợ về tài khoản của người dùng trong suốt quá trình sử dụng hệ thống.

b) Các chức năng được phân quyền gồm: Quản trị người dùng là công chức, Quản trị vai trò, Quản trị cấu hình hệ thống, Quản lý nhật ký sử dụng, Phân quyền phạm vi dữ liệu, Quản lý tài liệu hướng dẫn sử dụng.

5. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được khai thác những dữ liệu: Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, các dữ liệu công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

6. Đối tượng khai thác thông tin công khai trên cổng thông tin *(không cần tài khoản đăng nhập)*.

Người dân, doanh nghiệp có thể khai thác được những thông tin công khai như sau: Giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; Chỉ số giá tiêu dùng, một số dữ liệu công khai trên CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

